

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các Chủ dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Bộ và cơ quan Trung ương chủ quản cần phản ánh kịp thời cho Bộ Tài chính để giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

THÔNG TƯ số 40/2001/TT-BTC ngày 05/6/2001 hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ qua Kho bạc nhà nước Trung ương.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 20/3/1996 và Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ về phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước số 06/1998/QH10 ngày 20/5/1998 và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và

trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát một số khoản chi bằng ngoại tệ của các đơn vị dự toán thuộc ngân sách trung ương tại Kho bạc nhà nước Trung ương như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Những khoản chi bằng ngoại tệ được cấp phát theo hình thức lệnh chi tiền bao gồm:

- Chi trả nợ nước ngoài.
- Viện trợ cho các tổ chức quốc tế và nước ngoài theo quyết định của Chính phủ.
- Kinh phí cho các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.
- Đóng góp cho các Tổ chức quốc tế đặc thù (ADB, WB, IMF, v.v...).
- Chi nghiệp vụ, nhập thiết bị, vật tư của an ninh, quốc phòng.
- Chi trợ cấp và đào tạo đối với lưu học sinh Việt Nam học ở nước ngoài theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (bao gồm trợ cấp, học phí, vé máy bay, sinh hoạt phí của lưu học sinh).
- Các khoản chi khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính (quốc phòng, an ninh, cấp vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho một số dự án thuộc ngân sách nhà nước).

2. Những khoản chi bằng ngoại tệ được cấp phát theo hình thức hạn mức kinh phí năm tính bằng Đồng Việt Nam bao gồm:

- Chi cho các đoàn đi công tác nước ngoài.
- Chi đóng niên liễm tổ chức quốc tế.
- Chi mua tin, thanh toán cước phát sóng.
- Các khoản chi khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Quy định trách nhiệm của đơn vị dự toán thuộc ngân sách trung ương:

a) Căn cứ vào dự toán ngân sách được Chính phủ giao hàng năm, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ (sau đây gọi là các đơn vị dự toán) lập và phân bổ dự toán theo Mục lục Ngân sách nhà nước, thuyết minh chi tiết những nhiệm vụ chi bằng ngoại tệ gửi Bộ Tài chính.

b) Các đơn vị dự toán chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán các nhiệm vụ chi bằng ngoại tệ theo chế độ hiện hành quy định tại: Thông tư số 103/1998/TT-BTC ngày 18/7/1998 hướng dẫn việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước; Thông tư số 40/1998/TT-BTC ngày 31/3/1998 hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước; Thông tư số 45/1999/TT-BTC ngày 04/5/1999 và Thông tư số 108/1999/TT-BTC ngày 04/9/1999 quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài; Thông tư số 21/2000/TT-BTC ngày 16/3/2000 hướng dẫn xét duyệt và thông báo quyết toán năm đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp của Bộ Tài chính và những quy định cụ thể của Thông tư này.

c) Các đơn vị dự toán thuộc ngân sách trung ương trực tiếp giao dịch với Kho bạc nhà nước Trung ương để mở tài khoản hạn mức kinh phí tính bằng Đồng Việt Nam để chi cho các khoản chi bằng ngoại tệ nêu tại điểm 2 Mục I.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Lập dự toán chi ngoại tệ:

- Dự toán chi ngoại tệ là một bộ phận dự toán ngân sách nhà nước của các đơn vị dự toán thuộc ngân sách trung ương.

- Dự toán chi ngoại tệ được tính bằng Đôla Mỹ quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá kế hoạch do Bộ Tài chính quy định.

2. Phân bổ dự toán ngân sách năm:

Căn cứ quyết định giao dự toán ngân sách năm của Chính phủ, các đơn vị dự toán phân bổ theo Mục lục Ngân sách nhà nước trong đó có chi tiết dự toán các khoản chi bằng ngoại tệ nêu tại điểm 1 và điểm 2 Mục I gửi Bộ Tài chính (Vụ quản lý chuyên ngành, Vụ Tài chính đối ngoại, Vụ Ngân sách nhà nước).

3. Kiểm soát chi ngoại tệ:

3.1. Đối với các khoản chi bằng ngoại tệ nêu tại điểm 1 Mục I Thông tư này thực hiện cấp phát bằng lệnh chi tiền trong đó ghi rõ số chi ngoại tệ và quy ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định gửi Kho bạc nhà nước Trung ương. Kho bạc nhà nước Trung ương thực hiện hạch toán chi ngân sách nhà nước bằng Đồng Việt Nam, đồng thời trích Quỹ ngoại tệ tập trung cấp thanh toán các khoản chi bằng ngoại tệ theo nội dung đã ghi trong lệnh chi tiền và thông tri duyệt y dự toán.

3.2. Đối với các khoản chi bằng ngoại tệ nêu tại Điểm 2 Mục I được cấp phát bằng hình thức hạn mức kinh phí năm. Kho bạc nhà nước Trung ương thực hiện việc kiểm soát chi ngân sách nhà nước, trích Quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước để cấp phát thanh toán cho đơn vị đồng thời hạch toán bằng Đồng Việt Nam tương ứng với số ngoại tệ đó, theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài

chính quy định trừ dần vào hạn mức kinh phí bằng Đồng Việt Nam của đơn vị, cụ thể như sau:

3.2.1. Cấp ngoại tệ để thanh toán cho các đoàn đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài:

a) Các đơn vị dự toán chịu trách nhiệm quản lý kinh phí đoàn ra từ khâu lập dự toán, tạm ứng và duyệt quyết toán đối với từng đoàn và cá nhân.

b) Các đơn vị dự toán chỉ được sử dụng chi đúng theo hạn mức đã có trong dự toán và do Bộ Tài chính thông báo cho Kho bạc nhà nước Trung ương.

c) Căn cứ vào các quy định của Thông tư số 40/1998/TT-BTC ngày 31/3/1998 hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước, Thông tư số 45/1999/TT-BTC ngày 04/5/1999 và Thông tư số 108/1999/TT-BTC ngày 04/9/1999 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài và giấy rút hạn mức kinh phí, Kho bạc nhà nước Trung ương cấp tạm ứng chi ngoại tệ cho đơn vị và trừ vào hạn mức kinh phí bằng Đồng Việt Nam của đơn vị.

d) Kho bạc nhà nước Trung ương quản lý và cấp phát đoàn ra theo hạn mức kinh phí năm cho từng đơn vị dự toán do Bộ Tài chính thông báo.

e) Trong vòng 15 ngày, sau khi đoàn về, đơn vị dự toán có trách nhiệm gửi quyết toán chi ngoại tệ đoàn ra cho Kho bạc nhà nước Trung ương để thanh toán tạm ứng. Căn cứ vào hồ sơ quyết toán đoàn ra đã được cơ quan chủ quản xét duyệt quyết toán chi ngoại tệ và giấy đề nghị thanh toán tạm ứng của đơn vị (theo mẫu số C2-06/KB của Kho bạc nhà nước Trung ương) Kho bạc nhà nước Trung ương chuyển tạm ứng ngân sách nhà nước sang thực chi ngân sách nhà nước và xử lý bù trừ thừa thiếu giữa các đoàn.

+ Nếu thiếu so với quyết toán đoàn ra, đơn vị

dự toán được Kho bạc nhà nước Trung ương bổ sung ngoại tệ và trừ vào hạn mức năm.

+ Nếu thừa so với quyết toán đoàn ra, đơn vị dự toán nộp tiền thừa bằng ngoại tệ vào Quỹ ngoại tệ tập trung đồng thời Kho bạc nhà nước Trung ương ghi tăng Đồng Việt Nam vào tài khoản hạn mức kinh phí năm của đơn vị dự toán.

+ Quá trình thực hiện trong năm, nếu còn nhiệm vụ đoàn ra mà số dư hạn mức kinh phí đối với mục chi "115" đã hết, đơn vị dự toán làm việc với Bộ Tài chính để điều chỉnh mục hoặc trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung kinh phí đoàn ra. Trường hợp cuối năm số dư hạn mức mục 115 không sử dụng hết được xử lý theo chế độ cấp hạn mức kinh phí hiện hành.

+ Đến cuối năm (ngày 31 tháng 12) đơn vị dự toán có tiền thừa ngoại tệ phải nộp vào Quỹ ngoại tệ tập trung và Kho bạc nhà nước Trung ương hạch toán giảm chi ngân sách nhà nước của đơn vị dự toán theo chương khoản mục tương ứng.

g) Đơn vị dự toán có trách nhiệm quyết toán chi ngoại tệ tương ứng tiền Đồng Việt Nam cùng với quyết toán quý, năm của đơn vị.

3.2.2. Cấp ngoại tệ thanh toán đóng niên liễm, mua tin, cước phát sóng:

a) Đối với các mục chi đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế (mục 157); mua tin (mục 119).

Căn cứ dự toán chi ngoại tệ kèm theo chứng từ thanh toán có liên quan (hợp đồng thanh toán, giấy báo đòi tiền của các tổ chức quốc tế) và giấy rút hạn mức kinh phí, Kho bạc nhà nước Trung ương thực hiện cấp phát thanh toán bằng ngoại tệ quy Đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định và trừ hạn mức kinh phí năm.

b) Đối với việc cấp phát cho mục chi 111 phát sóng, truyền tin phục vụ cho các đoàn cấp cao

của Đảng, Chính phủ, Quốc hội đi công tác nước ngoài được thực hiện như việc cấp phát ngoại tệ cho các đoàn đi công tác nước ngoài.

4. Quyết toán chi ngoại tệ:

Cơ quan tài chính có trách nhiệm tổng hợp quyết toán chi ngoại tệ của các đơn vị dự toán theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2001.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

THÔNG TƯ số 41/2001/TT-BTC ngày 12/6/2001 hướng dẫn bổ sung việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2001 theo Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP.

Căn cứ Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP ngày 24/5/2001 của Chính phủ về việc bổ sung một số giải pháp điều hành kế hoạch kinh tế năm 2001;

Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung việc giảm, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2001 như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, MỨC MIỄN, GIẢM VÀ HOÀN THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2001

1. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp phải nộp năm 2001 cho tất cả các hộ sản xuất nông nghiệp thuộc các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa thuộc Chương trình 135 của Chính phủ và các hộ sản xuất nông nghiệp thuộc diện hộ nghèo trong cả nước (hộ nghèo được xác định theo chuẩn hộ nghèo tại Quyết định số 1143/2000/QĐ-LĐTBXH ngày 01/11/2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và quy định cụ thể của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

2. Giảm 50% thuế sử dụng đất nông nghiệp phải nộp cho toàn bộ diện tích đất thực tế trồng lúa và cà phê trong cả nước năm 2001. Số thuế sử dụng đất nông nghiệp phải nộp là số thuế còn phải thu trên diện tích đất trồng lúa và cà phê của năm 2001 (không bao gồm số thuế thừa, thiếu năm trước chuyển qua) sau khi đã được miễn, giảm thuế theo các quy định hiện hành trừ việc tính miễn, giảm thuế do giảm giá đối với diện tích đất trồng lúa và cà phê theo quy định tại điểm 2c Mục II Thông tư số 79/2000/TT-BTC ngày 28/7/2000 của Bộ Tài chính.

Đối tượng được xét giảm 50% thuế theo quy định tại Điểm này là tất cả các hộ gia đình nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội trong năm 2001 sử dụng đất sản xuất nông nghiệp vào trồng lúa (bao gồm diện tích đất trồng 2 vụ lúa hoặc 1 vụ lúa là chính, đất chuyên mạ) và đất trồng cà phê thuộc diện chịu thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định.

3. Hoàn thuế: Các hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội (gọi tắt là các đối tượng) đã nộp thừa thuế sử dụng đất nông nghiệp tính theo vụ hoặc theo năm của năm 2001 được ngân sách nhà nước